

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550001	NGUYỄN VĂN AN	06/03/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
2	550002	PHẠM BẢO AN	24/06/2009	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
3	550003	PHẠM THU AN	04/02/2009	Trường THCS Xuân Ninh	Tiếng Anh	
4	550004	PHẠM THÚY AN	30/12/2009	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	Tiếng Anh	
5	550005	ĐẶNG HÀ ANH	10/12/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
6	550006	ĐẶNG THẾ ANH	19/05/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
7	550007	ĐINH VIỆT ANH	27/12/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
8	550008	ĐINH VIỆT ANH	26/12/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
9	550009	ĐỖ PHƯƠNG ANH	13/09/2009	Trường THCS Xuân Phương	Tiếng Anh	
10	550010	MAI TUẤN ANH	23/10/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
11	550011	NGUYỄN HÀ ANH	05/05/2009	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
12	550012	NGUYỄN HOÀI ANH	25/01/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
13	550013	NGUYỄN HỒNG ANH	22/01/2009	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
14	550014	NGUYỄN QUỲNH ANH	04/03/2009	Trường THCS Xuân Trường	Tiếng Anh	
15	550015	NGUYỄN TIẾN ANH	21/12/2009	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Xuân Trường	Tiếng Anh	
16	550016	NGUYỄN TUẤN ANH	24/10/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
17	550017	PHẠM ĐỨC ANH	29/01/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
18	550018	PHẠM HẢI ANH	13/12/2009	Trường THCS Xuân Thành	Tiếng Anh	
19	550019	PHẠM PHƯƠNG ANH	16/04/2009	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
20	550020	PHẠM QUỲNH ANH	14/05/2009	Trường THCS Xuân Thượng	Tiếng Anh	
21	550021	PHẠM VIỆT ANH	05/01/2009	Trường THCS Xuân Ninh	Tiếng Anh	
22	550022	TRẦN ĐỨC ANH	05/01/2009	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
23	550023	TRẦN HÀ ANH	21/09/2009	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	Tiếng Anh	
24	550024	TRẦN MAI ANH	21/09/2009	Trường THCS Xuân Thành	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2024

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CỎI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550025	TRẦN PHƯƠNG ANH	23/11/2009	Trường THCS Xuân Trường	Tiếng Anh	
2	550026	TRỊNH ĐỨC ANH	27/09/2009	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	
3	550027	TRỊNH PHƯƠNG ANH	05/10/2009	Trường THCS Xuân Trường	Tiếng Anh	
4	550028	VŨ LAN ANH	25/08/2009	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
5	550029	VŨ NAM ANH	05/02/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
6	550030	VŨ NGỌC ANH	04/09/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
7	550031	VŨ QUYÊN ANH	12/01/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
8	550032	VŨ QUỲNH ANH	03/10/2009	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
9	550033	VŨ THẾ ANH	15/05/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
10	550034	VŨ TUẤN ANH	09/01/2009	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
11	550035	VŨ TUẤN ANH	02/11/2009	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
12	550036	VŨ VIỆT ANH	12/08/2009	Trường THCS Xuân Thượng	Tiếng Anh	
13	550037	PHAN VŨ HÀ ANH	13/10/2009	Trường THCS Xuân Trường	Tiếng Anh	
14	550038	PHẠM THỊ HỒNG ANH	16/06/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
15	550039	MAI THỊ KIM ANH	20/06/2009	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
16	550040	PHẠM THỊ KIM ANH	08/05/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
17	550041	BÙI THỊ LAN ANH	29/08/2009	Trường THCS Xuân Thành	Tiếng Anh	
18	550042	ĐỖ NGỌC LAN ANH	08/08/2009	Trường THCS Xuân Thành	Tiếng Anh	
19	550043	NGUYỄN THỊ NGÂN ANH	08/03/2009	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
20	550044	NGUYỄN ĐOÀN NGỌC ANH	22/09/2009	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
21	550045	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	18/08/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
22	550046	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	22/09/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
23	550047	TRỊNH THỊ PHƯƠNG ANH	15/09/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
24	550048	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	01/11/2009	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2024

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550049	NGUYỄN VŨ THẢO ANH	25/10/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
2	550050	TRẦN THỊ TRÂM ANH	12/06/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
3	550051	TRẦN NGUYỄN TRUNG ANH	30/03/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
4	550052	PHẠM THỊ TRÚC ANH	25/08/2009	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
5	550053	PHẠM THỊ VÂN ANH	01/02/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
6	550054	TRẦN THỊ VÂN ANH	09/02/2009	Trường THCS Xuân Hòa	Tiếng Anh	
7	550055	NGUYỄN ĐĂNG VIỆT ANH	23/08/2009	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Xuân Trường	Tiếng Anh	
8	550056	PHẠM NGỌC ÁNH	18/10/2009	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	Tiếng Anh	
9	550057	PHẠM NGUYỆT ÁNH	02/01/2009	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
10	550058	TRẦN MINH ÁNH	06/09/2009	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
11	550059	VŨ MINH ÁNH	10/10/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
12	550060	VŨ THỊ MINH ÁNH	13/09/2009	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
13	550061	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	13/02/2009	Trường THCS Xuân Phương	Tiếng Anh	
14	550062	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	08/09/2009	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
15	550063	NGUYỄN QUỐC AN	26/10/2009	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
16	550064	LƯƠNG QUÝ BAN	31/07/2009	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	
17	550065	ĐẶNG GIA BẢO	14/04/2009	Trường THCS Xuân Trường	Tiếng Anh	
18	550066	ĐINH GIA BẢO	05/04/2009	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	
19	550067	ĐINH QUANG BẢO	01/01/2009	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	
20	550068	ĐOÀN NGUYỄN BẢO	10/11/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
21	550069	ĐỖ GIA BẢO	18/09/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
22	550070	NGUYỄN QUỐC BẢO	17/02/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
23	550071	NGUYỄN XUÂN BẢO	25/09/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
24	550072	TRỊNH GIA BẢO	12/08/2009	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2024

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CỎI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550073	TRƯỜNG QUỐC BẢO	08/07/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
2	550074	VŨ THIÊN BẢO	19/03/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
3	550075	VŨ THANH BẰNG	19/08/2009	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	
4	550076	NGUYỄN VŨ ANH BẰNG	26/10/2009	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
5	550077	PHAN THỊ NGỌC BÍCH	08/10/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
6	550078	NGUYỄN ĐĂNG BÌNH	04/10/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
7	550079	NGUYỄN THANH BÌNH	24/02/2009	Trường THCS Xuân Thành	Tiếng Anh	
8	550080	PHAN TRẦN BÌNH	16/05/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
9	550081	VŨ GIA BÌNH	02/01/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
10	550082	PHẠM MAI CHÂM	17/03/2009	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
11	550083	ĐẶNG MINH CHÂU	28/09/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
12	550084	LÃ BẢO CHÂU	08/10/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
13	550085	LƯƠNG NGỌC CHÂU	11/12/2009	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	
14	550086	NGUYỄN BẢO NGỌC CHÂU	26/10/2009	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
15	550087	ĐÀO THÙY CHI	05/04/2009	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
16	550088	ĐỖ QUỲNH CHI	20/07/2009	Trường THCS Xuân Trường	Tiếng Anh	
17	550089	NGUYỄN HÀ CHI	09/10/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
18	550090	NGUYỄN KHÁNH CHI	20/06/2009	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
19	550091	NGUYỄN LINH CHI	30/01/2009	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
20	550092	NGUYỄN THÙY CHI	12/02/2009	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
21	550093	PHẠM KIM CHI	02/01/2009	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
22	550094	HỒ THỊ KIM CHI	07/05/2009	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
23	550095	NGUYỄN NGỌC LINH CHI	02/07/2009	Trường THCS Xuân Thượng	Tiếng Anh	
24	550096	PHẠM TRẦN PHƯƠNG CHI	18/01/2009	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2024

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550097	VŨ THỊ PHƯƠNG CHI	03/12/2009	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
2	550098	ĐINH THỊ QUỲNH CHI	14/03/2009	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	
3	550099	LÊ THỊ QUỲNH CHI	07/11/2009	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	Tiếng Anh	
4	550100	NGUYỄN THỊ QUỲNH CHI	22/03/2009	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
5	550101	TRẦN MINH CHIẾN	26/03/2009	Trường THCS Xuân Vinh	Tiếng Anh	
6	550102	ĐỖ PHƯƠNG CHINH	14/03/2009	Trường THCS Xuân Thượng	Tiếng Anh	
7	550103	TỔNG PHƯƠNG CHINH	17/05/2009	Trường THCS Xuân Thành	Tiếng Anh	
8	550104	VŨ PHƯƠNG CHINH	28/04/2009	Trường THCS Xuân Thượng	Tiếng Anh	
9	550105	TRẦN THỊ KIỀU CHINH	05/12/2009	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
10	550106	LƯƠNG THỊ MAI CHINH	09/03/2009	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
11	550107	ĐINH ĐỨC CHÍNH	19/02/2009	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
12	550108	NGUYỄN CHÍ CÔNG	06/04/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
13	550109	PHẠM THÀNH CÔNG	29/09/2009	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
14	550110	TRỊNH BẢO CÔNG	21/08/2009	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
15	550111	TRẦN ĐÌNH CUNG	19/03/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
16	550112	ĐINH NGỌC DIỆP	13/12/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
17	550113	NGUYỄN BÍCH DIỆP	02/05/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
18	550114	LÊ TRẦN BẠCH DIỆP	23/11/2009	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	
19	550115	ĐẶNG HUYỀN DIỆU	16/01/2009	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Xuân Trường	Tiếng Anh	
20	550116	LÊ HUYỀN DIỆU	02/06/2009	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
21	550117	NGUYỄN HUYỀN DIỆU	30/06/2009	Trường THCS Xuân Ninh	Tiếng Anh	
22	550118	NGUYỄN THỊ DIỆU	27/03/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
23	550119	VŨ THÚY DIỆU	18/07/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
24	550120	NGUYỄN THỊ HUYỀN DIỆU	15/07/2009	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2024

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550121	PHẠM THỊ HUYỀN DIỆU	09/12/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
2	550122	VŨ THỊ HUYỀN DIỆU	05/06/2009	Trường THCS Xuân Thượng	Tiếng Anh	
3	550123	ĐÀO THỊ TỎ DIỄM	15/09/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
4	550124	VŨ HẢI DOANH	03/08/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
5	550125	ĐẶNG THÙY DUNG	25/02/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
6	550126	ĐINH THÙY DUNG	26/01/2009	Trường THCS Xuân Thành	Tiếng Anh	
7	550127	NGUYỄN ĐỨC DUY	02/03/2009	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Xuân Trường	Tiếng Anh	
8	550128	NGUYỄN NGỌC DUY	23/12/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
9	550129	PHẠM ĐỨC DUY	26/11/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
10	550130	PHẠM VĂN DUY	03/07/2009	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
11	550131	TRẦN NHẬT DUY	12/03/2009	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
12	550132	VŨ ĐỨC DUY	21/09/2009	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
13	550133	VŨ NGỌC DUY	21/11/2009	Trường THCS Xuân Trường	Tiếng Anh	
14	550134	PHẠM MỸ DUYÊN	09/05/2009	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
15	550135	PHẠM THỊ MAI DUYÊN	28/07/2009	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
16	550136	ĐỖ MẠNH DŨNG	11/03/2009	Trường THCS Xuân Ninh	Tiếng Anh	
17	550137	LÊ TẤN DŨNG	02/04/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
18	550138	PHAN TIẾN DŨNG	30/01/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
19	550139	PHẠM TIẾN DŨNG	06/04/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
20	550140	LÊ NGUYỄN TIẾN DŨNG	02/09/2009	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
21	550141	BÙI ĐỨC DƯƠNG	13/04/2009	Trường THCS Xuân Trường	Tiếng Anh	
22	550142	NGÔ VĂN DƯƠNG	27/05/2009	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
23	550143	NGUYỄN ĐĂNG DƯƠNG	25/05/2009	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
24	550144	NGUYỄN ĐỨC DƯƠNG	17/12/2009	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2024

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550145	NGUYỄN THANH DƯƠNG	02/06/2009	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
2	550146	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	24/10/2009	Trường THCS Xuân Thành	Tiếng Anh	
3	550147	NGUYỄN VIỆT DƯƠNG	25/01/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
4	550148	PHẠM ÁNH DƯƠNG	29/10/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
5	550149	PHẠM THÙY DƯƠNG	15/11/2009	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
6	550150	VŨ CÔNG DƯƠNG	18/08/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
7	550151	LƯU HÀ ĐAN	27/10/2009	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	Tiếng Anh	
8	550152	ĐINH QUANG ĐẠI	06/11/2009	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
9	550153	LÃ CHẤN ĐẠI	08/08/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
10	550154	LÊ QUỐC ĐẠI	14/10/2009	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	Tiếng Anh	
11	550155	LƯƠNG DUY ĐẠI	18/10/2009	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
12	550156	MAI QUÝ ĐẠI	05/02/2009	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
13	550157	NGUYỄN XUÂN ĐẠI	31/10/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
14	550158	ĐẶNG THÀNH ĐẠT	29/01/2009	Trường THCS Xuân Ninh	Tiếng Anh	
15	550159	ĐẶNG XUÂN ĐẠT	20/02/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
16	550160	LÊ TIẾN ĐẠT	12/01/2009	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
17	550161	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	25/01/2009	Trường THCS Xuân Trường	Tiếng Anh	
18	550162	PHẠM MINH ĐẠT	02/01/2009	Trường THCS Xuân Thành	Tiếng Anh	
19	550163	PHẠM QUỐC ĐẠT	16/03/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
20	550164	PHẠM THỂ ĐẠT	25/05/2009	Trường THCS Xuân Trường	Tiếng Anh	
21	550165	TRỊNH THÀNH ĐẠT	21/11/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
22	550166	VŨ CAO THÀNH ĐẠT	02/02/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
23	550167	LÊ PHAN THỂ ĐẠT	13/03/2009	Trường THCS Xuân Phương	Tiếng Anh	
24	550168	CHU ĐẶNG THÚY ĐẠT	27/05/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2024

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550169	ĐẶNG HẢI ĐĂNG	23/08/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
2	550170	ĐẶNG MINH ĐĂNG	08/07/2009	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
3	550171	NGÔ MINH ĐĂNG	27/08/2009	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	
4	550172	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	20/05/2009	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
5	550173	TRẦN TIẾN ĐỊNH	08/10/2009	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
6	550174	MAI XUÂN ĐÌNH	26/09/2009	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
7	550175	VŨ VĂN ĐOÀN	04/06/2009	Trường THCS Xuân Vinh	Tiếng Anh	
8	550176	ĐINH HOÀNG ĐÔ	08/08/2009	Trường THCS Xuân Phương	Tiếng Anh	
9	550177	TRẦN NGỌC ĐÔ	18/04/2009	Trường THCS Xuân Phương	Tiếng Anh	
10	550178	LÃ VIỆT ĐỨC	03/09/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
11	550179	NGUYỄN MINH ĐỨC	04/05/2009	Trường THCS Xuân Thượng	Tiếng Anh	
12	550180	TRẦN VIỆT GIA	29/09/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
13	550181	ĐẶNG HƯƠNG GIANG	05/12/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
14	550182	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	07/09/2009	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
15	550183	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	30/03/2009	Trường THCS Xuân Trường	Tiếng Anh	
16	550184	TRẦN ĐỨC GIANG	12/12/2009	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	Tiếng Anh	
17	550185	VŨ HƯƠNG GIANG	05/01/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
18	550186	VŨ THU GIANG	06/08/2009	Trường THCS Xuân Thượng	Tiếng Anh	
19	550187	PHẠM THỊ HẢI GIANG	27/03/2009	Trường THCS Xuân Thành	Tiếng Anh	
20	550188	PHAN NGUYỄN HƯƠNG GIANG	31/01/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
21	550189	NGUYỄN QUỲNH GIAO	07/07/2009	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
22	550190	ĐỖ NGUYỄN GIÁP	07/07/2009	Trường THCS Xuân Thượng	Tiếng Anh	
23	550191	ĐẶNG ĐỨC HANH	24/01/2009	Trường THCS Xuân Thượng	Tiếng Anh	
24	550192	ĐỖ NGỌC HÀ	17/04/2009	Trường THCS Xuân Thượng	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2024

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550193	ĐỖ NGỌC HÀ	01/09/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
2	550194	ĐỖ THANH HÀ	15/01/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
3	550195	ĐỖ THU HÀ	01/02/2009	Trường THCS Xuân Vinh	Tiếng Anh	
4	550196	NGUYỄN NGỌC HÀ	14/07/2009	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
5	550197	PHẠM THU HÀ	05/01/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
6	550198	CHU THỊ NGÂN HÀ	03/09/2009	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
7	550199	ĐẶNG THỊ THANH HÀ	09/05/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
8	550200	LÊ VIỆT HÀN	23/04/2009	Trường THCS Xuân Ninh	Tiếng Anh	
9	550201	PHẠM MINH HẠNH	02/02/2009	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
10	550202	HOÀNG TRUNG HẢI	07/03/2009	Trường THCS Xuân Thành	Tiếng Anh	
11	550203	NGUYỄN HOÀNG HẢI	11/11/2009	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	
12	550204	PHẠM HOÀNG HẢI	14/02/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
13	550205	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HẢO	12/11/2009	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
14	550206	ĐINH NGỌC HÂN	20/09/2009	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
15	550207	ĐỖ MINH HẰNG	01/02/2009	Trường THCS Xuân Thượng	Tiếng Anh	
16	550208	PHẠM THỊ HẰNG	09/10/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
17	550209	VŨ THỊ KIM HẰNG	17/08/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
18	550210	NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG	15/12/2009	Trường THCS Xuân Thượng	Tiếng Anh	
19	550211	ĐỖ TRUNG HIẾU	11/10/2009	Trường THCS Xuân Ninh	Tiếng Anh	
20	550212	LÊ MINH HIẾU	09/01/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
21	550213	MAI TẤN HIẾU	21/11/2009	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
22	550214	MAI TRUNG HIẾU	12/05/2009	Trường THCS Xuân Ninh	Tiếng Anh	
23	550215	NGUYỄN ANH HIẾU	21/11/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
24	550216	NGUYỄN ĐỨC HIẾU	26/09/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2024

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CỎI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT

Phòng thi số 10

Khoá ngày/...../.....

Từ SBD 550217

HĐ thi THPT XUÂN TRƯỜNG

DANH SÁCH PHÒNG THI

Đến SBD 550240

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550217	NGUYỄN MINH HIẾU	20/04/2009	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
2	550218	NGUYỄN MINH HIẾU	22/11/2009	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	
3	550219	NGUYỄN VĂN HIẾU	29/11/2009	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	Tiếng Anh	
4	550220	PHẠM TRUNG HIẾU	11/03/2009	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
5	550221	TRẦN QUỐC HIẾU	04/06/2009	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
6	550222	PHẠM THỊ HIỀN	24/03/2009	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
7	550223	ĐÀO THỊ THU HIỀN	01/01/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
8	550224	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	18/05/2009	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
9	550225	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	08/09/2009	Trường THCS Xuân Thượng	Tiếng Anh	
10	550226	ĐINH NGỌC HIỆN	15/10/2009	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	
11	550227	PHẠM HOÀNG HIỆP	24/01/2009	Trường THCS Xuân Thượng	Tiếng Anh	
12	550228	HOÀNG THỌ HIỆU	18/04/2009	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	Tiếng Anh	
13	550229	NGÔ ĐỨC HIỆU	23/11/2009	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
14	550230	TRẦN HUY HIỆU	18/06/2009	Trường THCS Xuân Trường	Tiếng Anh	
15	550231	NGUYỄN MINH HIỀN	02/08/2009	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
16	550232	TRỊNH THỊ HOA	17/11/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
17	550233	PHẠM THU HOÀI	10/10/2009	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
18	550234	PHẠM THỊ THU HOÀI	15/05/2009	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
19	550235	HỒ SỸ HOÀN	07/04/2009	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
20	550236	PHAN CÔNG HOÀN	06/10/2009	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Xuân Trường	Tiếng Anh	
21	550237	NGUYỄN HUY HOÀNG	03/03/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
22	550238	PHẠM HUY HOÀNG	24/11/2009	Trường THCS Xuân Thành	Tiếng Anh	
23	550239	TRẦN HUY HOÀNG	25/06/2009	Trường THCS Xuân Phú	Tiếng Anh	
24	550240	ĐINH THỊ HIỀN HÒA	18/09/2009	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2024

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550241	NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA	23/03/2009	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
2	550242	ĐINH THỊ HUẾ	01/02/2009	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	
3	550243	ĐẶNG GIA HUY	04/06/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
4	550244	ĐỖ QUANG HUY	17/07/2009	Trường THCS Xuân Thành	Tiếng Anh	
5	550245	NGUYỄN NAM HUY	24/04/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
6	550246	PHAN QUỐC HUY	05/04/2009	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Xuân Trường	Tiếng Anh	
7	550247	TRẦN QUANG HUY	28/05/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
8	550248	NGUYỄN ĐIỀU HUYỀN	03/07/2009	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
9	550249	NGUYỄN THỊ HUYỀN	26/03/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
10	550250	PHẠM KHÁNH HUYỀN	29/11/2009	Trường THCS Xuân Trường	Tiếng Anh	
11	550251	TRẦN THANH HUYỀN	07/10/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
12	550252	HOÀNG THỊ KHÁNH HUYỀN	26/07/2009	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
13	550253	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	13/05/2009	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
14	550254	ĐỖ QUANG HUYNH	23/11/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	Huy chương Bạc Môn điền kinh Hội khỏe Phù Đổng tỉnh
15	550255	BÙI XUÂN HÙNG	18/12/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
16	550256	ĐOÀN NGỌC HÙNG	07/08/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
17	550257	NGUYỄN VIỆT HÙNG	31/08/2009	Trường THCS Xuân Trường	Tiếng Anh	
18	550258	TRINH NHẬT HÙNG	24/04/2009	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	
19	550259	LƯƠNG GIA HÙNG	30/11/2009	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
20	550260	PHẠM KHÁNH HÙNG	13/03/2009	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
21	550261	PHẠM MAI HƯƠNG	16/11/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
22	550262	TRẦN THU HƯƠNG	10/08/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
23	550263	LƯƠNG THỊ THỦY HƯƠNG	20/05/2009	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
24	550264	TRINH THỊ HƯỜNG	29/03/2009	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2024

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CỎI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550265	PHẠM THỊ THU HƯỜNG	16/07/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
2	550266	ĐỖ BẢO KHANG	24/10/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
3	550267	PHẠM MINH KHANG	12/08/2009	Trường THCS Xuân Thượng	Tiếng Anh	
4	550268	VŨ VĂN KHANG	08/03/2009	Trường THCS Xuân Thượng	Tiếng Anh	
5	550269	BÙI DUY KHÁNH	07/03/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
6	550270	NGUYỄN DUY KHÁNH	16/02/2009	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
7	550271	NGUYỄN NAM KHÁNH	17/10/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
8	550272	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	14/06/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
9	550273	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	18/06/2009	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	
10	550274	PHAN DUY KHÁNH	09/10/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
11	550275	PHẠM KIM KHÁNH	03/01/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
12	550276	TRỊNH QUỐC KHÁNH	02/09/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
13	550277	ĐẶNG THỊ KIM KHÁNH	24/06/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
14	550278	TRỊNH VŨ QUỐC KHÁNH	30/11/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
15	550279	NGUYỄN THỊ VÂN KHÁNH	07/01/2009	Trường THCS Xuân Thành	Tiếng Anh	
16	550280	LƯƠNG TUẤN KHẢI	02/06/2009	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
17	550281	ĐỖ ĐĂNG KHOA	20/09/2009	Trường THCS Xuân Thượng	Tiếng Anh	
18	550282	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	30/11/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
19	550283	TRẦN ĐĂNG KHOA	07/01/2009	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
20	550284	VŨ ĐĂNG KHOA	06/02/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
21	550285	NGUYỄN TRẦN ĐĂNG KHOA	21/11/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
22	550286	NGUYỄN ANH KIÊN	09/01/2009	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
23	550287	NGUYỄN ANH KIỀU	28/02/2009	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
24	550288	TRẦN HÙNG KIẾT	16/11/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2024

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550289	TRẦN THU LAN	26/06/2009	Trường THCS Xuân Thành	Tiếng Anh	
2	550290	ĐỖ THỊ HOÀI LAN	09/10/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
3	550291	NGUYỄN THỊ MAI LAN	01/01/2009	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
4	550292	NGUYỄN HOÀNG LÂM	17/07/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
5	550293	NGUYỄN THÀNH LÂM	02/12/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
6	550294	NGUYỄN VŨ BẢO LÂM	28/09/2009	Trường THCS Xuân Trường	Tiếng Anh	
7	550295	ĐINH NHẬT LỆ	14/09/2009	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
8	550296	ĐỖ THU LỆ	20/06/2009	Trường THCS Xuân Ninh	Tiếng Anh	
9	550297	VŨ THỊ NHẬT LỆ	20/05/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
10	550298	PHAN NGỌC LIÊN	24/10/2009	Trường THCS Xuân Phương	Tiếng Anh	
11	550299	TRIỆU THỊ KIM LIÊN	14/01/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
12	550300	VŨ THỊ MAI LIÊN	30/05/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
13	550301	ĐỖ HÀ LINH	07/01/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
14	550302	ĐỖ KHÁNH LINH	01/01/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
15	550303	HOÀNG KHÁNH LINH	07/08/2009	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	Tiếng Anh	
16	550304	HOÀNG THUYỀN LINH	17/06/2009	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	Tiếng Anh	
17	550305	NGUYỄN MAI LINH	18/12/2009	Trường THCS Xuân Trường	Tiếng Anh	
18	550306	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	05/04/2009	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
19	550307	NGUYỄN THUYỀN LINH	21/04/2009	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
20	550308	PHẠM HÀ LINH	24/02/2009	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
21	550309	PHẠM KHÁNH LINH	18/06/2009	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
22	550310	PHẠM THUYỀN LINH	17/10/2009	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
23	550311	PHẠM THUYỀN LINH	08/11/2009	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
24	550312	TRẦN MAI LINH	02/04/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2024

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CỎI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550313	VŨ DIỆU LINH	12/09/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
2	550314	VŨ HÀ LINH	21/05/2009	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
3	550315	VŨ KHÁNH LINH	25/08/2009	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
4	550316	PHẠM THỊ DIỆU LINH	27/07/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
5	550317	NGUYỄN THỊ HÀ LINH	24/05/2009	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
6	550318	PHẠM THỊ HOÀI LINH	30/11/2009	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
7	550319	ĐOÀN HÒA MAI LINH	08/09/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
8	550320	NGUYỄN PHẠM PHƯƠNG LINH	29/11/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
9	550321	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	01/12/2009	Trường THCS Xuân Đài	Tiếng Anh	
10	550322	PHAN THỊ PHƯƠNG LINH	02/04/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
11	550323	TRỊNH BÙI PHƯƠNG LINH	21/10/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
12	550324	MAI NGUYỄN TRÚC LINH	11/05/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
13	550325	ĐẶNG MINH LONG	09/10/2009	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
14	550326	ĐINH HOÀNG LONG	01/04/2009	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	
15	550327	ĐỖ THÀNH LONG	17/08/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
16	550328	NGUYỄN BẢO LONG	24/11/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
17	550329	NGUYỄN TRẦN LONG	02/07/2009	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
18	550330	PHẠM NHẬT LONG	17/12/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
19	550331	TRỊNH THIÊN LONG	27/10/2009	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
20	550332	VŨ THÀNH LONG	23/01/2009	Trường THCS Xuân Thành	Tiếng Anh	
21	550333	CHU NGỌC MINH LONG	24/09/2009	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
22	550334	ĐẶNG VĂN LỢI	22/10/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
23	550335	PHẠM KHÁNH LUÂN	28/07/2009	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
24	550336	TRỊNH ĐỨC LUYẾN	20/09/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2024

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CỎI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550337	VŨ THỊ HỒNG LUYA	06/08/2009	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
2	550338	LƯƠNG THẾ LỰC	28/08/2009	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
3	550339	ĐẶNG KHÁNH LY	15/10/2009	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
4	550340	NGUYỄN PHƯƠNG LY	05/04/2009	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
5	550341	BÙI THỊ HƯƠNG LY	31/03/2009	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
6	550342	PHẠM THỊ KHÁNH LY	10/09/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
7	550343	TRẦN THỊ KHÁNH LY	30/03/2009	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
8	550344	PHẠM THỊ PHƯƠNG LY	07/02/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
9	550345	HOÀNG HIỀN MAI	18/10/2009	Trường THCS Xuân Thành	Tiếng Anh	
10	550346	PHẠM THANH MAI	15/08/2009	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
11	550347	HOÀNG THỊ PHƯƠNG MAI	28/12/2009	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	Tiếng Anh	
12	550348	PHẠM THỊ THANH MAI	21/01/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
13	550349	PHẠM THỊ XUÂN MAI	18/11/2009	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
14	550350	HOÀNG THỌ MẠNH	01/03/2009	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	Tiếng Anh	
15	550351	PHẠM ĐỨC MẠNH	13/09/2009	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
16	550352	ĐẶNG CHÂU MINH	28/09/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
17	550353	ĐẶNG TUẤN MINH	11/08/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
18	550354	LƯƠNG DUY MINH	07/08/2009	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
19	550355	NGUYỄN CAO MINH	21/06/2009	Trường THCS Xuân Thành	Tiếng Anh	
20	550356	NGUYỄN HOÀNG MINH	06/05/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
21	550357	NGUYỄN TIẾN MINH	03/07/2009	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
22	550358	NGUYỄN TUẤN MINH	08/01/2009	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
23	550359	PHAN HOÀNG MINH	13/01/2009	Trường THCS Xuân Trường	Tiếng Anh	
24	550360	VŨ GIA MINH	24/10/2009	Trường THCS Xuân Trường	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2024

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550361	ĐOÀN THỊ BÌNH MINH	29/12/2009	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
2	550362	VŨ THỊ NHẬT MINH	29/11/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
3	550363	BÙI TRÀ MY	29/04/2009	Trường THCS Xuân Ninh	Tiếng Anh	
4	550364	MAI THẢO MY	02/02/2009	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	
5	550365	NGUYỄN TRÀ MY	13/08/2009	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	Tiếng Anh	
6	550366	NGUYỄN TRÀ MY	05/09/2009	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
7	550367	TRỊNH TRÀ MY	22/03/2009	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	
8	550368	VŨ THẢO MY	05/05/2009	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
9	550369	VŨ TRÀ MY	08/08/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
10	550370	ĐINH THỊ DIỄM MY	05/12/2009	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
11	550371	PHẠM THỊ THẢO MY	31/01/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
12	550372	PHAN THỊ TIÊU MY	14/07/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
13	550373	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	16/06/2009	Trường THCS Xuân Thượng	Tiếng Anh	
14	550374	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	08/08/2009	Trường THCS Hải Minh	Tiếng Anh	
15	550375	ĐỖ THÀNH NAM	23/07/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
16	550376	NGUYỄN BẢO NAM	22/10/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
17	550377	NGUYỄN HOÀI NAM	13/11/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
18	550378	NGUYỄN NGỌC NAM	13/04/2009	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
19	550379	NGUYỄN NHẬT NAM	16/05/2009	Trường THCS Xuân Trường	Tiếng Anh	
20	550380	NGUYỄN THÀNH NAM	28/01/2009	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
21	550381	NGUYỄN TUẤN NAM	04/02/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
22	550382	PHẠM HẢI NAM	26/08/2009	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
23	550383	TỔNG BẢO NAM	18/12/2009	Trường THCS Xuân Trường	Tiếng Anh	
24	550384	PHAN DƯƠNG THÀNH NAM	22/10/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2024

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CỎI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550385	VŨ THỊ NGUYỆT NGA	11/12/2009	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
2	550386	LÊ THỊ THANH NGA	10/11/2009	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
3	550387	ĐẶNG THANH NGÂN	21/07/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
4	550388	LƯƠNG THÚY NGÂN	21/07/2009	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	
5	550389	NGUYỄN NGỌC NGÂN	19/04/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
6	550390	NGUYỄN THANH NGÂN	30/07/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
7	550391	NGUYỄN TRANG NGÂN	10/11/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
8	550392	TRẦN BẢO NGÂN	01/03/2009	Trường THCS Xuân Trường	Tiếng Anh	
9	550393	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	13/01/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
10	550394	LÃ THỊ THU NGÂN	05/08/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
11	550395	LƯƠNG XUÂN NGHĨA	06/08/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
12	550396	NGUYỄN VĂN NGHĨA	24/02/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
13	550397	ĐẶNG KHÁNH NGỌC	13/07/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
14	550398	NGUYỄN HƯƠNG NGỌC	06/11/2009	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	
15	550399	PHẠM HỒNG NGỌC	29/08/2009	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
16	550400	PHẠM THỊ NGỌC	08/05/2009	Trường THCS Xuân Thành	Tiếng Anh	
17	550401	TỔNG BẢO NGỌC	22/09/2009	Trường THCS Xuân Thành	Tiếng Anh	
18	550402	VŨ XUÂN NGỌC	13/11/2009	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
19	550403	ĐINH THỊ BẢO NGỌC	29/11/2009	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	
20	550404	ĐỖ THỊ BẢO NGỌC	24/06/2009	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
21	550405	TRỊNH HOÀNG BẢO NGỌC	04/07/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
22	550406	ĐINH THỊ BÍCH NGỌC	09/11/2009	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
23	550407	ĐẶNG VĂN NGUYỄN	19/12/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
24	550408	ĐINH CÔNG NGUYỄN	08/09/2009	Trường THCS Xuân Hòa	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2024

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550409	ĐINH PHÚC NGUYỄN	08/12/2009	Trường THCS Xuân Thượng	Tiếng Anh	
2	550410	MAI KHÔI NGUYỄN	18/11/2009	Trường THCS Xuân Thượng	Tiếng Anh	
3	550411	NGUYỄN TRUNG NGUYỄN	03/06/2009	Trường THCS Xuân Thượng	Tiếng Anh	
4	550412	TRẦN KHÔI NGUYỄN	28/10/2009	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
5	550413	VŨ HOÀNG NGUYỄN	02/03/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
6	550414	PHẠM MINH NGUYỆT	14/09/2009	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
7	550415	NGUYỄN THỊ ÁNH NGUYỆT	16/11/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
8	550416	LƯƠNG TRỌNG NHÂN	17/01/2009	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	
9	550417	PHAN TUẤN NHẬT	22/02/2009	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Xuân Trường	Tiếng Anh	
10	550418	PHẠM LONG NHẬT	25/09/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
11	550419	PHẠM MINH NHẬT	14/09/2009	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
12	550420	TRỊNH LONG NHẬT	15/08/2009	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
13	550421	PHAN NGUYỄN LONG NHẬT	09/11/2009	Trường THCS Xuân Phương	Tiếng Anh	
14	550422	ĐẶNG YẾN NHI	03/02/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
15	550423	ĐỖ YẾN NHI	22/11/2009	THCS Hoàng Liệt	Tiếng Anh	
16	550424	HÀ YẾN NHI	30/06/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
17	550425	LÊ HÀ NHI	29/10/2009	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
18	550426	LÊ UYÊN NHI	05/09/2009	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	Tiếng Anh	
19	550427	LƯƠNG YẾN NHI	23/10/2009	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
20	550428	MAI UYÊN NHI	06/05/2009	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
21	550429	NGUYỄN NGỌC NHI	24/07/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
22	550430	NGUYỄN ĐÀM HUYỀN NHI	16/08/2009	Trường THCS Xuân Thành	Tiếng Anh	
23	550431	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	01/07/2009	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
24	550432	ĐINH TỬ NHIÊN	12/01/2009	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2024

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550433	PHẠM THỊ DIỄM NHUNG	03/01/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
2	550434	PHẠM THỊ TUYẾT NHUNG	25/12/2009	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
3	550435	NGUYỄN QUỲNH NHƯ	14/08/2009	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
4	550436	ĐINH THỊ QUỲNH NHƯ	18/11/2009	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
5	550437	LÊ THỊ KIM OANH	25/12/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
6	550438	ĐỖ HOÀNG PHÁT	20/10/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
7	550439	PHAN TẤN PHÁT	09/07/2009	Trường THCS Xuân Phương	Tiếng Anh	
8	550440	PHẠM THÀNH PHÁT	17/03/2009	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
9	550441	NGUYỄN HOÀNG PHONG	18/06/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
10	550442	PHẠM KHÁNH PHONG	09/10/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
11	550443	PHẠM NAM PHONG	27/10/2009	Trường THCS Xuân Thành	Tiếng Anh	
12	550444	NGUYỄN TRƯỜNG PHÚC	10/10/2009	Trường THCS Xuân Trường	Tiếng Anh	
13	550445	ĐINH THU PHƯƠNG	16/07/2009	Trường THCS Xuân Thành	Tiếng Anh	
14	550446	NGUYỄN KHÁNH PHƯƠNG	30/07/2009	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
15	550447	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	01/12/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
16	550448	NGUYỄN THU PHƯƠNG	26/05/2009	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
17	550449	PHẠM THỊ PHƯƠNG	06/06/2009	Trường THCS Xuân Thành	Tiếng Anh	
18	550450	TRỊNH MAI PHƯƠNG	20/01/2009	Trường THCS Xuân Thành	Tiếng Anh	
19	550451	TRỊNH NGỌC PHƯƠNG	05/09/2009	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
20	550452	VŨ THU PHƯƠNG	06/03/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
21	550453	VŨ THU PHƯƠNG	11/06/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
22	550454	VŨ THU PHƯƠNG	29/06/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
23	550455	NGUYỄN LÊ HÀ PHƯƠNG	05/02/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
24	550456	ĐÀO THỊ HOÀI PHƯƠNG	21/05/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2024

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550457	PHẠM THỊ MAI PHƯƠNG	04/11/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
2	550458	NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG	18/05/2009	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
3	550459	MAI THỊ THU PHƯƠNG	31/05/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
4	550460	NGUYỄN TRƯỜNG PHƯỚC	24/09/2009	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
5	550461	ĐẶNG KHÁNH PHƯƠNG	26/06/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
6	550462	ĐINH VIỆT QUANG	17/08/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
7	550463	NGUYỄN MẠNH QUANG	02/08/2009	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
8	550464	NGUYỄN VIỆT QUANG	09/06/2009	Trường THCS Xuân Thành	Tiếng Anh	
9	550465	PHAN VĂN QUANG	17/09/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
10	550466	PHẠM MINH QUANG	27/01/2009	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
11	550467	PHẠM THÁI QUANG	01/12/2009	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	Tiếng Anh	
12	550468	BÙI MINH QUÂN	23/09/2009	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
13	550469	LƯƠNG MINH QUÂN	10/06/2009	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
14	550470	NGUYỄN HỒNG QUÂN	09/09/2009	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Xuân Trường	Tiếng Anh	
15	550471	NGUYỄN HỒNG QUÂN	28/10/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
16	550472	NGUYỄN MINH QUÂN	30/06/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
17	550473	PHAN ANH QUÂN	02/09/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
18	550474	PHAN MINH QUÂN	28/03/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
19	550475	TRẦN MINH QUÂN	25/08/2009	Trường THCS Xuân Phương	Tiếng Anh	
20	550476	PHẠM LỆ QUYÊN	23/07/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
21	550477	PHẠM THỊ LỆ QUYÊN	15/03/2009	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	
22	550478	NGUYỄN VŨ QUÝ	01/07/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
23	550479	PHAN HOÀNG NGỌC QUÝ	27/09/2009	Trường THCS Xuân Phương	Tiếng Anh	
24	550480	BÙI THỊ QUỲNH	30/01/2009	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2024

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550481	HOÀNG NHƯ QUỲNH	27/05/2009	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	Tiếng Anh	
2	550482	PHAN NHƯ QUỲNH	25/08/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
3	550483	PHAN NHƯ QUỲNH	29/09/2009	Trường THCS Xuân Phương	Tiếng Anh	
4	550484	PHAN THUY QUỲNH	03/11/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
5	550485	PHẠM ĐIỂM QUỲNH	24/01/2009	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
6	550486	PHẠM NHƯ QUỲNH	01/10/2009	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
7	550487	PHẠM THỊ THÚY QUỲNH	17/01/2009	Trường THCS Xuân Ninh	Tiếng Anh	
8	550488	PHẠM HOÀNG SANG	06/02/2009	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
9	550489	PHẠM THANH SANG	26/06/2009	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
10	550490	TRẦN THÀNH SANG	15/03/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
11	550491	NGUYỄN NGỌC QUANG SANG	25/10/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
12	550492	BÙI QUANG SÁNG	23/11/2009	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
13	550493	TRỊNH GIÁNG SƠN	01/09/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
14	550494	ĐINH TRƯỜNG SƠN	01/11/2009	Trường THCS Xuân Phương	Tiếng Anh	
15	550495	MAI TRUNG SƠN	15/11/2009	Trường THCS Xuân Ninh	Tiếng Anh	
16	550496	NGUYỄN VIỆT SƠN	25/03/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
17	550497	PHẠM HUY SƠN	18/04/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
18	550498	MAI NGỌC TÀI	18/06/2009	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
19	550499	NGUYỄN THANH TÂM	14/02/2009	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
20	550500	TRẦN MINH TÂM	07/11/2009	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
21	550501	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	30/06/2009	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
22	550502	PHAN VŨ THANH TÂM	09/10/2009	Trường THCS Xuân Trường	Tiếng Anh	
23	550503	PHẠM MINH TÂN	06/11/2009	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	Tiếng Anh	
24	550504	PHẠM NGỌC TẤN	07/08/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2024

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550505	NGUYỄN TRỊNH MINH TẤN	20/08/2009	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
2	550506	NGUYỄN ĐÌNH THÁI	11/01/2009	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
3	550507	PHẠM HOÀNG THÁI	15/04/2009	Trường THCS Xuân Thành	Tiếng Anh	
4	550508	ĐÀO NGỌC THÀNH	06/12/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
5	550509	ĐỖ ĐẠI THÀNH	22/12/2009	Trường THCS Xuân Thành	Tiếng Anh	
6	550510	LÊ ĐỨC THÀNH	15/09/2009	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
7	550511	NGUYỄN VIỆT THÀNH	30/03/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
8	550512	VŨ TIẾN THÀNH	13/03/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
9	550513	ĐẶNG PHƯƠNG THẢO	27/11/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
10	550514	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	14/11/2009	Trường THCS Xuân Ninh	Tiếng Anh	
11	550515	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	11/12/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
12	550516	TRẦN PHƯƠNG THẢO	03/09/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
13	550517	TRẦN THANH THẢO	21/02/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
14	550518	VŨ PHƯƠNG THẢO	22/06/2009	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
15	550519	ĐÌNH THỊ PHƯƠNG THẢO	21/09/2009	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
16	550520	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	05/08/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
17	550521	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	14/10/2009	Trường THCS Xuân Thượng	Tiếng Anh	
18	550522	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	11/12/2009	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
19	550523	PHẠM THỊ PHƯƠNG THẢO	18/05/2009	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
20	550524	TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO	20/02/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
21	550525	TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO	03/04/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
22	550526	PHẠM PHƯƠNG THẨM	04/12/2009	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
23	550527	ĐÌNH VĂN THẮNG	23/01/2009	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	
24	550528	MAI QUANG THẮNG	25/01/2009	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2024

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550529	NGUYỄN MẠNH THẮNG	14/09/2009	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
2	550530	TRẦN VIỆT THẮNG	07/03/2009	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
3	550531	MAI NGỌC THẾ	17/06/2009	Trường THCS Phú La	Tiếng Anh	
4	550532	NGUYỄN ĐỨC THẾ	10/04/2009	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
5	550533	VŨ ANH THI	12/09/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
6	550534	MAI ANH THIÊN	22/02/2009	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
7	550535	NGÔ ĐỨC THIÊN	19/06/2009	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
8	550536	NGUYỄN MINH THIÊN	22/08/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
9	550537	ĐỖ VĂN THIÊN	21/06/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
10	550538	PHẠM PHÚC THIÊN	30/08/2009	Trường THCS Xuân Trường	Tiếng Anh	
11	550539	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	05/03/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
12	550540	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	11/04/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
13	550541	NGUYỄN TIẾN THỊNH	25/08/2009	Trường THCS Xuân Thành	Tiếng Anh	
14	550542	TRẦN TÁT THỊNH	19/10/2009	Trường THCS Xuân Trường	Tiếng Anh	
15	550543	CHU THỊ BẢO THOÀ	28/07/2009	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
16	550544	TRỊNH THỊ PHƯƠNG THOÀ	28/12/2009	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
17	550545	ĐẶNG TRUNG THÔNG	02/09/2009	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
18	550546	ĐỖ THỊ HỒNG THƠ	25/05/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
19	550547	VŨ DIỆU THU	16/09/2009	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
20	550548	VŨ THỊ THU	01/09/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
21	550549	NGUYỄN ĐỨC THUẬN	15/02/2009	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
22	550550	NGUYỄN VĂN THUẬN	17/05/2009	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
23	550551	NGUYỄN THỊ HỒNG THUẬN	21/09/2009	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	Tiếng Anh	
24	550552	ĐINH PHƯƠNG THUY	16/09/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2024

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CỎI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550553	NGUYỄN THANH THÚY	11/07/2009	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
2	550554	LÊ THỊ HƯƠNG THÚY	18/05/2009	Trường THCS Xuân Ninh	Tiếng Anh	
3	550555	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THÚY	29/07/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
4	550556	VŨ PHƯƠNG THÙY	19/10/2009	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
5	550557	VŨ PHƯƠNG THÙY	20/11/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
6	550558	DƯƠNG PHÚC THÚY	27/05/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
7	550559	CAO ANH THƯ	19/10/2009	Trường THCS Xuân Vinh	Tiếng Anh	
8	550560	ĐẶNG MINH THƯ	01/10/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
9	550561	ĐINH KIM THƯ	18/11/2009	Trường THCS Xuân Phương	Tiếng Anh	
10	550562	LƯƠNG ANH THƯ	16/10/2009	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	
11	550563	NGUYỄN MINH THƯ	16/04/2009	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
12	550564	NGUYỄN MINH THƯ	26/04/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
13	550565	PHẠM ANH THƯ	17/01/2009	Trường THCS Xuân Thành	Tiếng Anh	
14	550566	TRẦN ANH THƯ	09/05/2009	Trường THCS Xuân Ninh	Tiếng Anh	
15	550567	TRỊNH MINH THƯ	03/10/2009	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	
16	550568	VŨ ANH THƯ	20/10/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
17	550569	ĐINH THỊ ANH THƯ	15/07/2009	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
18	550570	NGUYỄN THỊ ANH THƯ	25/06/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
19	550571	NGUYỄN THỊ ANH THƯ	24/10/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
20	550572	HOÀNG THỊ ÁNH THƯ	23/11/2009	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	Tiếng Anh	
21	550573	ĐỖ THỊ MINH THƯ	08/01/2009	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
22	550574	NGUYỄN THỊ MINH THƯ	15/07/2009	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
23	550575	VŨ THỊ MINH THƯ	31/01/2009	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
24	550576	VƯƠNG MAI MINH THƯ	07/08/2009	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2024

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550577	NGUYỄN PHẠM HÀ THƯƠNG	16/12/2009	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
2	550578	PHẠM NGUYỄN HÀ THƯƠNG	26/08/2009	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
3	550579	VŨ THỊ HUYỀN THƯƠNG	24/09/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
4	550580	MAI BẢO THY	30/08/2009	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	
5	550581	PHẠM NGỌC THỦY TIÊN	12/01/2009	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
6	550582	ĐÀO VIỆT TIẾN	27/02/2009	Trường THCS Xuân Thành	Tiếng Anh	
7	550583	NGÔ XUÂN TIẾN	10/12/2009	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
8	550584	NGUYỄN VĂN TIẾN	25/03/2009	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
9	550585	PHẠM ANH TIẾN	08/01/2009	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
10	550586	PHẠM VIỆT TIẾN	22/08/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
11	550587	VŨ VIỆT TIẾN	01/06/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
12	550588	PHẠM KIM TIẾN	21/07/2009	Trường THCS Xuân Phương	Tiếng Anh	
13	550589	ĐINH NHẬT TIỆP	21/01/2009	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
14	550590	VŨ DUY TIỆP	05/09/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
15	550591	BÙI MẠNH TOÀN	10/06/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
16	550592	PHẠM ĐỨC TOÀN	12/09/2009	Trường THCS Xuân Trường	Tiếng Anh	
17	550593	TRỊNH QUỐC TOÀN	11/10/2008	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
18	550594	BÙI HUYỀN TRANG	29/09/2009	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	Tiếng Anh	
19	550595	LÊ YẾN TRANG	09/08/2009	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
20	550596	MAI THUY TRANG	21/12/2009	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
21	550597	NGUYỄN MINH TRANG	20/01/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
22	550598	NGUYỄN MINH TRANG	20/12/2009	Trường THCS Xuân Đình	Tiếng Anh	
23	550599	NGUYỄN QUỲNH TRANG	28/01/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
24	550600	NGUYỄN QUỲNH TRANG	09/02/2009	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2024

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550601	NGUYỄN THU TRANG	17/10/2009	Trường THCS Xuân Thượng	Tiếng Anh	
2	550602	TRỊNH THU TRANG	01/10/2009	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
3	550603	VÕ THU TRANG	05/10/2009	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
4	550604	VŨ HUYỀN TRANG	25/01/2009	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	Tiếng Anh	
5	550605	VŨ THU TRANG	16/10/2009	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
6	550606	ĐỖ THỊ HUYỀN TRANG	12/09/2009	Trường THCS Xuân Trường	Tiếng Anh	
7	550607	PHẠM THỊ HUYỀN TRANG	24/03/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
8	550608	VŨ THỊ QUỲNH TRANG	27/05/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
9	550609	NGÔ THỊ THU TRANG	25/03/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
10	550610	TRẦN THỊ THÙY TRANG	17/08/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
11	550611	BÙI THỊ YẾN TRANG	30/01/2009	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
12	550612	ĐỖ QUỲNH TRÂM	29/09/2009	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
13	550613	ĐẶNG THỊ NGỌC TRÂM	16/07/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
14	550614	PHẠM NGUYỄN NGỌC TRÂM	03/09/2008	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
15	550615	NGUYỄN ĐẶNG THÙY TRÂM	15/10/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
16	550616	HOÀNG NGỌC BẢO TRÂN	15/08/2009	Trường THCS Xuân Phương	Tiếng Anh	
17	550617	NGUYỄN ĐỨC TRIỂN	27/04/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
18	550618	ĐẶNG HUYỀN TRINH	19/07/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
19	550619	ĐOÀN VIỆT TRINH	21/07/2009	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
20	550620	VŨ PHẠM MAI TRINH	02/08/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
21	550621	PHẠM MINH TRÍ	22/12/2009	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
22	550622	ĐỖ THÀNH TRUNG	31/07/2009	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
23	550623	NGUYỄN MINH TRUNG	25/07/2009	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
24	550624	PHẠM THÀNH TRUNG	20/09/2009	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2024

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550625	TRẦN DUY TRUNG	01/09/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
2	550626	VŨ QUỐC TRUNG	15/08/2009	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
3	550627	NGUYỄN THANH TRÚC	06/11/2009	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
4	550628	NGUYỄN VŨ THANH TRÚC	05/08/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
5	550629	LƯƠNG THỊ THIÊN TRÚC	03/10/2009	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
6	550630	MAI PHÚC TRƯỜNG	04/07/2009	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
7	550631	NGUYỄN VŨ TRƯỜNG	16/02/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
8	550632	PHAN QUỐC TRƯỜNG	07/01/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
9	550633	ĐỖ ANH TUẤN	20/02/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
10	550634	NGUYỄN ANH TUẤN	02/01/2009	Trường THCS Xuân Thượng	Tiếng Anh	
11	550635	NGUYỄN ĐỨC TUẤN	16/12/2009	Trường THCS Xuân Thủy	Tiếng Anh	
12	550636	ĐẶNG MINH TUỆ	05/11/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
13	550637	VŨ NGỌC TUYẾN	19/11/2009	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Xuân Trường	Tiếng Anh	
14	550638	NGUYỄN ÁNH TUYẾT	06/05/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
15	550639	TRỊNH THỊ ÁNH TUYẾT	17/10/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
16	550640	ĐINH CÔNG TUYỀN	29/10/2009	Trường THCS Xuân Vinh	Tiếng Anh	
17	550641	ĐẶNG XUÂN TÚ	22/06/2009	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
18	550642	NGUYỄN ANH TÚ	21/12/2009	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	
19	550643	NGUYỄN MINH TÚ	20/03/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
20	550644	NGUYỄN TUẤN TÚ	15/02/2009	Trường THCS Xuân Thành	Tiếng Anh	
21	550645	NGUYỄN TUẤN TÚ	28/05/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
22	550646	NGUYỄN VĂN TÚ	28/05/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
23	550647	PHAN THANH TÙNG	11/04/2009	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Xuân Trường	Tiếng Anh	
24	550648	PHẠM THANH TÙNG	25/01/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2024

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550649	VŨ THANH TÙNG	03/09/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
2	550650	TRẦN THỊ KIM TƯỞI	03/07/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
3	550651	ĐỖ TÚ UYÊN	19/04/2009	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
4	550652	NGUYỄN PHƯƠNG UYÊN	11/05/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
5	550653	PHAN THỊ PHƯƠNG UYÊN	27/06/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
6	550654	ĐÀO THỊ THẢO UYÊN	04/03/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
7	550655	NGUYỄN NGỌC TÓ UYÊN	04/06/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
8	550656	PHAN THỊ TÓ UYÊN	15/08/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
9	550657	PHAN THỊ TÓ UYÊN	26/10/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
10	550658	LÊ THÚY VÂN	11/05/2009	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
11	550659	MAI THÚY VÂN	11/11/2009	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
12	550660	NGUYỄN THỊ VÂN	25/10/2009	Trường THCS Xuân Thành	Tiếng Anh	
13	550661	ĐỖ THỊ HỒNG VÂN	22/08/2009	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
14	550662	NGUYỄN THỊ MỸ VÂN	20/05/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
15	550663	TỔNG THỊ THANH VÂN	09/03/2009	Trường THCS Xuân Thành	Tiếng Anh	
16	550664	ĐINH KHÁNH VI	10/07/2009	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	
17	550665	BÙI TUẤN VIỆT	02/10/2009	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	Tiếng Anh	
18	550666	ĐỖ DUY VIỆT	07/03/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
19	550667	PHẠM THÀNH VIỆT	14/10/2009	Trường THCS Xuân Phong	Tiếng Anh	
20	550668	VŨ ĐỨC VIỆT	03/09/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
21	550669	LÊ CÔNG VINH	02/01/2009	Trường THCS Xuân Thành	Tiếng Anh	
22	550670	PHẠM THÀNH VINH	18/02/2009	Trường THCS Xuân Thành	Tiếng Anh	
23	550671	PHẠM THẾ VINH	10/09/2009	Trường THCS Xuân Thành	Tiếng Anh	
24	550672	TRỊNH QUANG VINH	31/07/2009	Trường THCS Xuân Thành	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Nam Định, ngày tháng năm 2024

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT

Phòng thi số 29

Khoá ngày/...../.....

Từ SBD 550673

HĐ thi THPT XUÂN TRƯỜNG

DANH SÁCH PHÒNG THI

Đến SBD 550686

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550673	TRỊNH THẾ VĨ	05/03/2009	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
2	550674	BÙI MINH VŨ	11/09/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
3	550675	LÊ MINH VŨ	08/03/2009	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
4	550676	NGUYỄN MINH VŨ	02/04/2009	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
5	550677	PHẠM MINH VŨ	10/04/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
6	550678	VŨ HOÀNG VŨ	22/09/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
7	550679	VŨ QUỐC VƯƠNG	17/11/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
8	550680	ĐỖ TƯỜNG VY	29/09/2009	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
9	550681	NGÔ PHƯƠNG VY	04/10/2009	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
10	550682	PHẠM PHƯƠNG VY	10/11/2009	Trường THCS Xuân Châu	Tiếng Anh	
11	550683	PHẠM TRÀ VY	20/08/2009	Trường THCS Xuân Ninh	Tiếng Anh	
12	550684	TRỊNH HOÀI VY	28/01/2009	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
13	550685	VŨ THANH VY	20/11/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
14	550686	VŨ YẾN VY	20/03/2009	Trường THCS Xuân Thành	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 14

Nam Định, ngày tháng năm 2024

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT

Phòng thi số 30

Khoá ngày/...../.....

Từ SBD 550687

HĐ thi THPT XUÂN TRƯỜNG

DANH SÁCH PHÒNG THI

Đến SBD 550700

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550687	TRẦN NGỌC ÁNH VY	10/02/2009	Trường THCS Xuân Phương	Tiếng Anh	
2	550688	PHAN THỊ HÀ VY	06/09/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
3	550689	PHẠM THỊ HÀ VY	13/08/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
4	550690	MAI THỊ HIỀN VY	21/07/2009	Trường THCS Xuân Tiến	Tiếng Anh	
5	550691	ĐỖ LÊ NHẬT VY	03/12/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
6	550692	VŨ THỊ HỒNG XUYẾN	05/08/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	Tiếng Anh	
7	550693	NGUYỄN HẢI YẾN	23/03/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
8	550694	PHẠM HẢI YẾN	01/11/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
9	550695	PHẠM HẢI YẾN	15/12/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
10	550696	TRẦN BẢO YẾN	23/10/2009	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
11	550697	BÙI ĐOÀN HẢI YẾN	24/08/2009	Trường THCS Xuân Kiên	Tiếng Anh	
12	550698	BÙI THỊ HẢI YẾN	27/10/2009	Trường THCS Xuân Bắc	Tiếng Anh	
13	550699	ĐẶNG THỊ HẢI YẾN	22/12/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	
14	550700	NGUYỄN ĐỖ HẢI YẾN	11/06/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	Tiếng Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 14

Nam Định, ngày tháng năm 2024

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0